

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2019/HS-ST
Ngày 24/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 167/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Tổng Thanh H, sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Nai; hộ khẩu thường trú: Khu phố 9, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Tổng Ngọc Đ và bà Phan Ngọc L; có chồng là Nguyễn Phạm Hồng Q và có 01 con sinh ngày 26/7/2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Bị hại: Công ty N.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (theo Văn bản ủy quyền ngày 05/11/2018). Có mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Tư H. Vắng mặt;
2. Ông Nguyễn Văn T. Vắng mặt;
3. Ông Võ Hoàn D. Vắng mặt;

4. Ông Võ Văn H. Vắng mặt;
5. Ông Nguyễn Phong V. Vắng mặt;
6. Ông Phạm Văn A. Vắng mặt;
7. Ông Trương Văn H. Vắng mặt;
8. Ông Nguyễn Trung N. Vắng mặt;
9. Ông Phạm Thanh M. Vắng mặt;
10. Ông Trần Tấn V. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11 năm 2017, Tổng Thanh H đến làm việc tại Công ty N, địa chỉ: Khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương và được giao nhiệm vụ là Nhân viên hành chính – nhân sự. Nhiệm vụ cụ thể của H là cuối mỗi tháng H nhận kết quả chấm công của công nhân (bằng file mềm) từ tổ trưởng quản lý sản xuất, rồi H dựa vào đó lập hồ sơ chi trả lương gồm: Một bảng chấm công, một bảng lương, một danh sách thanh toán lương qua thẻ ATM, một danh sách thanh toán lương bằng tiền mặt. Sau đó, H trình hồ sơ chi trả lương lần lượt cho ông Huỳnh Thanh T - Trưởng phòng hành chính, nhân sự, ông Lê Văn Q - Kế toán trưởng và bà Nguyễn Thị H – Phó Tổng Giám đốc để phê duyệt. Sau khi hồ sơ chi trả lương được phê duyệt, H chuyển cho bộ phận kế toán của công ty, bộ phận kế toán sẽ chuyển lương qua thẻ ATM đối với công nhân có trong danh sách thanh toán lương qua thẻ ATM, còn công nhân có trong danh sách thanh toán lương bằng tiền mặt thì bộ phận kế toán sẽ giao tiền cho H và H có trách nhiệm chi trả lương trực tiếp cho công nhân.

Từ tháng 4/2018 đến tháng 8/2018, do cần tiền tiêu xài nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền Công ty N bằng thủ đoạn là sau khi nhận kết quả chấm công hàng tháng (bằng file mềm) do tổ trưởng quản lý sản xuất gửi, H lập một bảng chấm công hoàn chỉnh nhưng có thêm tên của 09 công nhân đã nghỉ việc, rồi dựa vào bảng chấm công H lập bảng lương và bảng danh sách thanh toán lương bằng tiền mặt. Sau đó bộ phận kế toán đưa tiền để H trực tiếp chi trả lương cho công nhân theo bảng danh sách thanh toán lương bằng tiền mặt thì H đã giả chữ ký nhận tiền chiếm đoạt tiền lương mà công ty N chi trả cho 09 công nhân đã nghỉ việc với tổng số tiền 170.526.808đ (một trăm bảy mươi triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm lẻ tám đồng), cụ thể như sau:

- Ngày 09/3/2018, Nguyễn Trung N (sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau) nghỉ việc ở công ty nhưng H vẫn đề xuất chi trả lương cho N vào tháng 4, 5, 6/2018 với tổng số tiền là 24.879.816đ (hai bốn triệu tám trăm bảy chín nghìn tám trăm mười sáu đồng).

- Ngày 31/3/2018, Phạm Văn A (sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh) nghỉ việc ở công ty nhưng H vẫn đề xuất chi trả lương cho Phạm Văn A vào tháng 4, 5, 6, 7, 8/2018 với tổng số tiền là 44.005.207đ (bốn mươi bốn triệu không trăm lẻ năm nghìn hai trăm lẻ bảy đồng).

- Ngày 04/4/2018, Phạm Thanh M (sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương) nghỉ việc ở công ty nhưng H vẫn đề xuất chi trả lương cho M vào tháng 5/2018 với số tiền là 7.836.300đ (bảy triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm đồng).

- Ngày 24/4/2018, Trần Tấn V (sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang) nghỉ việc ở công ty nhưng H vẫn đề xuất chi trả lương cho V vào tháng 5, 6/2018 với tổng số tiền là 14.589.447đ (mười bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm bốn bảy đồng).

- Ngày 31/5/2018, Nguyễn Văn T (sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang) nghỉ việc ở công ty nhưng H vẫn đề xuất chi trả lương cho T vào tháng 6, 7, 8/2018 với tổng số tiền là 21.549.421đ (hai mươi một triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm hai một đồng).

- Ngày 20/6/2018, Trương Văn H (sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang) nghỉ việc ở công ty nhưng H vẫn đề xuất chi trả lương cho H vào tháng 7, 8/2018 với tổng số tiền là 18.256.008đ (mười tám triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn không trăm lẻ tám đồng).

- Ngày 23/6/2018, Võ Hoàn D (sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau) nghỉ việc ở công ty nhưng H vẫn đề xuất chi trả lương cho D vào tháng 7, 8/2018 với tổng số tiền là 15.381.135đ (mười lăm triệu ba trăm tám mươi một nghìn một trăm ba lăm đồng).

- Ngày 10/7/2018, Nguyễn Phong V (sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau) nghỉ việc ở công ty nhưng H vẫn đề xuất chi trả lương cho V vào tháng 7, 8/2018 với tổng số tiền là 15.224.837đ (mười lăm triệu hai trăm hai bốn nghìn tám trăm ba bảy đồng).

- Ngày 31/7/2018, Võ Văn H (sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau) nghỉ việc ở công ty nhưng H vẫn đề xuất chi trả lương cho H vào tháng 8/2018 với số tiền là 8.804.637đ (tám triệu tám trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng).

Ngày 15/9/2018, H nghỉ việc ở công ty và chuyển giao toàn bộ công việc của H làm trước đây cho nhân viên khác của công ty là ông Nguyễn Tư H. Ngày 03/10/2018, ông H làm hồ sơ chi trả lương thì phát hiện 09 công nhân đã nghỉ

việc từ tháng 4/2018 đến tháng 8/2018 nhưng H vẫn đề xuất chi trả lương nên báo cho Ban Giám đốc công ty biết. Ngày 06/11/2018, ông Huỳnh Thanh T là đại diện hợp pháp của Công ty N trình báo sự việc đến Công an phường Mỹ Phước và giao nộp hồ sơ chi trả lương từ tháng 4/2018 đến tháng 8/2018 do H lập. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát xử lý theo thẩm quyền.

Theo Kết luận giám định số 46 ngày 06/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Chữ ký và chữ viết họ tên “Tống Thanh H” trên tập hồ sơ lương của công ty, bản tự khai của Tống Thanh H và biên bản thu mẫu chữ ký thực nghiệm giám định so với chữ ký và chữ viết họ tên của Tống Thanh H trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 140.766.808 đồng cho người bị hại là Công ty N.

Tại bản Cáo trạng số 187/CT-VKSBC ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Tống Thanh H mức án từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Tống Thanh H phải bồi thường cho bị hại 140.766.808 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định

tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Tổng Thanh H là nhân viên của Công ty N có trụ sở tại khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Nhiệm vụ bị cáo được giao là Nhân viên hành chính – nhân sự với công việc cụ thể là cuối mỗi tháng bị cáo nhận kết quả chấm công của công nhân (bằng file mềm) từ tổ trưởng quản lý sản xuất, dựa vào đó lập hồ sơ chi trả lương gồm: Một bảng chấm công, một bảng lương, một danh sách thanh toán lương qua thẻ ATM, một danh sách thanh toán lương bằng tiền mặt. Theo danh sách thanh toán lương bằng tiền mặt do bị cáo lập, công ty giao tiền mặt cho bị cáo để bị cáo chi trả trực tiếp cho công nhân có tên trong danh sách. Từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2018 có 09 công nhân là Nguyễn Trung N, Phạm Văn A, Phạm Thanh M, Trần Tấn V, Nguyễn Văn T, Trương Văn H, Võ Hoàn D, Nguyễn Phong V, Võ Văn H đã nghỉ việc tại công ty nhưng bị cáo vẫn lập bảng chấm công hoàn chỉnh, lập bảng lương và bảng danh sách thanh toán lương bằng tiền mặt có thêm tên của 09 công nhân đã nghỉ việc. Bị cáo nhận tiền lương bằng tiền mặt của 09 công nhân trên từ bị hại và chiếm đoạt số tiền trên.

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 170.526.808 đồng. Cụ thể như sau:

- Ngày 09/3/2018, Nguyễn Trung N nghỉ việc ở công ty nhưng bị cáo vẫn đề xuất chi trả lương bằng tiền mặt cho N vào tháng 4, 5, 6/2018 với tổng số tiền là 24.879.816 đồng.

- Ngày 31/3/2018, Phạm Văn A nghỉ việc ở công ty nhưng bị cáo vẫn đề xuất chi trả lương bằng tiền mặt cho A vào tháng 4, 5, 6, 7, 8/2018 với tổng số tiền là 44.005.207 đồng

- Ngày 04/4/2018, Phạm Thanh M nghỉ việc ở công ty nhưng bị cáo vẫn đề xuất chi trả lương bằng tiền mặt cho M vào tháng 5/2018 với số tiền là 7.836.300 đồng;

- Ngày 24/4/2018, Trần Tấn V nghỉ việc ở công ty nhưng bị cáo vẫn đề xuất chi trả lương bằng tiền mặt cho V vào tháng 5, 6/2018 với tổng số tiền là 14.589.447 đồng;

- Ngày 31/5/2018, Nguyễn Văn T nghỉ việc ở công ty nhưng bị cáo vẫn đề xuất chi trả lương bằng tiền mặt cho T vào tháng 6, 7, 8/2018 với tổng số tiền là 21.549.421 đồng;

- Ngày 20/6/2018, Trương Văn H nghỉ việc ở công ty nhưng bị cáo vẫn đề xuất chi trả lương bằng tiền mặt cho H vào tháng 7, 8/2018 với tổng số tiền là 18.256.008 đồng;

- Ngày 23/6/2018, Võ Hoàn D nghỉ việc ở công ty nhưng bị cáo vẫn đề xuất chi trả lương bằng tiền mặt cho D vào tháng 7, 8/2018 với tổng số tiền là 15.381.135 đồng;

- Ngày 10/7/2018, Nguyễn Phong V nghỉ việc ở công ty nhưng bị cáo vẫn đề xuất chi trả lương bằng tiền mặt cho V vào tháng 7, 8/2018 với tổng số tiền là 15.224.837 đồng;

- Ngày 31/7/2018, Võ Văn H nghỉ việc ở công ty nhưng bị cáo vẫn đề xuất chi trả lương bằng tiền mặt cho H vào tháng 8/2018 với số tiền là 8.804.637 đồng;

Theo Kết luận giám định số 46/GĐ-PC09 ngày 06/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Chữ ký và chữ viết họ tên “Tống Thanh H” trên tập hồ sơ lương của công ty, bản tự khai của Tống Thanh H và biên bản thu mẫu chữ ký thực nghiệm giám định so với chữ ký và chữ viết họ tên của Tống Thanh H trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy bị cáo đã có hành vi gian dối để cho bị hại tự nguyện chuyển giao tổng số tiền 170.526.808 đồng cho bị cáo và bị cáo đã chiếm đoạt số tiền trên. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng số 187/CT-VKSBC ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Bị cáo biết hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham lam tư lợi nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo để nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội cũng như phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại 29.760.000 đồng, số tiền còn lại 140.766.808 bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Do đó cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền này.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Tổng Thanh H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Tổng Thanh H 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Tổng Thanh H phải bồi thường cho Công ty N số tiền 140.766.808 đồng (một trăm bốn mươi triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm lẻ tám đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Tổng Thanh H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.038.340 đồng (bảy triệu không trăm ba mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA Bến Cát;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Lưu: Hồ sơ, TA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Thế Thị Ngọc Anh